

cấp trên và các cơ quan chức năng tích cực đấu tranh nhằm từng bước thu hẹp phạm vi tác động của nó, ngăn chặn nó, kiểm soát nó, cao hơn nữa là trừng phạt nó một cách kiên quyết (đánh trúng và đúng) loại bỏ dần từng bước sự hiện diện của nó ra khỏi đời sống xã hội.

Trên cơ sở phân tích như vậy, chúng ta có thể chỉ ra một cách rõ ràng, rành mạch cũng như đưa ra một số gợi ý về cách thức giải quyết:

Sự giàu lên nhanh chóng của một số bọn tham nhũng làm ăn phi pháp, trộm cắp trong xã hội, đối với bọn này, cần phải thận trọng truy cứu cho được những hành vi phạm tội của chúng và trừng trị chúng một cách nghiêm khắc về mặt pháp luật.

Trái lại, đối với những người giàu lên do tài năng, đức độ, sự năng động tháo vát, năng động thị trường, khả năng nắm bắt và sử dụng các cơ hội... là người có nhiều phát minh sáng kiến, tìm tòi tạo ra được những quy trình công nghệ mới, những cơ chế quản lý mới, nhiều việc làm cho người lao động, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, mang lại sức cạnh tranh cao, và nhiều lợi nhuận cho xã hội, chúng ta cần ủng hộ họ, cần tạo ra những hành lang an toàn, rộng lớn để bảo vệ họ, giúp họ tiếp tục phát triển bền vững, mở rộng hơn nữa doanh nghiệp của họ... từ đó góp phần cho sự phát triển hơn nữa của xã hội.

Ở đây, cần phải đổi mới hơn nữa một số chính sách (vốn, quyền sản xuất kinh doanh, những thủ tục, thể chế hành chính về sản xuất, đầu tư).

Sau đây là một số vấn đề bức xúc mà chúng ta cần xem xét.

1. Sự yếu kém, thiếu đồng bộ và những tiêu cực trong bộ máy quyền lực dẫn đến sự giàu lên một cách nhanh chóng của một số bọn tham nhũng, làm ăn phi pháp

Phân tầng xã hội về mặt quyền lực nếu là hợp thức sẽ là một trong những nhân tố tác động đến phân tầng xã hội về mức sống và thu nhập một cách hợp thức. Đáng tiếc là do nhiều yếu tố sơ hở, lỏng lẻo, sự thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất trong bộ máy tổ chức cán bộ đã tạo nhiều khe hở cho các hành động thao túng quyền lực, sự liên minh, liên kết "ma quỷ" giữa một số cán bộ có chức, có quyền đã bị tha hóa, biến chất với nhau, liên minh giữa họ với những phần tử làm ăn phi pháp, với "bọn xã hội đen" ngoài xã hội để những người này tranh giành quyền lực, lạm dụng quyền lực để tham nhũng, làm giàu bất chính. Đây là một trong những nhân tố làm gia tăng sự phân tầng xã hội về mức sống và thu nhập một cách bất hợp thức. Hiện tượng này đang làm cho quần chúng hết sức bất bình, phẫn nộ... Nếu không có

những giải pháp đủ mạnh, cương quyết, đúng và đúng thì những hiện tượng đó sẽ tiếp tục hoành hành, đẩy xã hội xã hội đến những nguy cơ khó lường.

Theo sự suy nghĩ của chúng tôi, một trong những giải pháp để nhằm ngăn chặn, kiểm soát và thu hẹp dần từng bước những hiện tượng đáng lo ngại này là phải rà soát lại công tác tổ chức cán bộ, chấn chỉnh bộ máy... Xây dựng quy hoạch cán bộ một cách bài bản, đồng bộ, hệ thống dài hơi, tương đối ổn định và có trình tự, bước đi thích hợp trong một chỉnh thể thống nhất. Cần phải đưa ra được những tiêu chuẩn (kể cả định tính và định lượng) về những phẩm chất và yêu cầu cần thiết của từng loại cán bộ. Xây dựng những nguyên tắc khoa học để tạo nguồn cán bộ, sắp xếp luân chuyển, cán bộ, có chế độ thưởng phạt nghiêm minh đối với những người làm tốt, có thành tích và những người sai phạm, làm việc kém hiệu quả. Một mặt, có phương cách, giải pháp thích hợp để khai thác cán bộ, đào tạo và sử dụng cán bộ, đãi ngộ cán bộ... Mặt khác, cần kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng "mua quan, bán chức", độc đoán, chuyên quyền, cứng nhắc trong công tác cán bộ. Cần đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải cách hành chính theo chế độ "một cửa", khắc phục sự sách nhiễu của một số quan chức đối với nhân dân, giản lược những thủ tục hành chính, chặt đứt chỗ dựa cho những kẻ cửa quyền, chuyên đục khoét, ăn hối lộ của dân, bọn làm giàu bất chính.

Đây là một vấn đề hết sức nan giải, rất cần có một ý chí kiên quyết và một phức hợp các giải pháp khoa học, đồng bộ của nhiều nhà quản lý, nhà khoa học, các ban ngành, các cơ quan chức năng đồng tâm hiệp lực trong cuộc đấu tranh nhằm từng bước đẩy lùi, ngăn chặn và tiến tới kiểm soát chúng.

2. Sự bất bình đẳng trong cơ hội tìm kiếm việc làm và sắp xếp việc làm

Ngoài những nỗ lực to lớn trong việc tạo việc làm và thu hút lao động vào làm việc của các cơ sở sản xuất kinh doanh ở nước ta trong một số năm qua, vẫn còn sự tồn tại một số hiện tượng dường như có sự "o bế" hay "khép kín" những cơ hội tìm kiếm việc làm ở một số cơ quan, trường học. Một số vị trí làm việc có lợi thế đã được sắp đặt trước, được "dành chỗ" trước cho con em, người thân của những người có quyền lực trong các cơ quan này.

Ai cũng biết rằng, trình độ học vấn cao, tay nghề cao, chuyên môn giỏi phải được coi là tiêu chuẩn quan trọng trong việc tuyển dụng và sắp xếp việc làm. Song điều đáng tiếc là vẫn còn có những em có trình độ học vấn cao, đỗ đạt loại xuất sắc vẫn phải "chạy chọt" để kiếm lấy một chỗ làm việc cho mình, thậm chí là không chọn được một chỗ làm việc thích hợp. Trong khi đó, một số em khác, trình độ học vấn thấp hơn, tay nghề thấp hơn, những tiêu chuẩn khác thấp hơn, không thuộc diện chính

sách ưu tiên theo chế độ của Nhà nước lại dễ dàng kiếm được những chỗ làm việc “tươm tất”, thậm chí là đã được sắp đặt, dọn chỗ cho từ trước. Ở đây có sự tồn tại của hiện tượng mọc nổi, lạm dụng quyền lực của một số cán bộ tổ chức, những người có chức, có quyền trong cơ quan. Họ tùy tiện, mưu cầu lợi ích bất hợp pháp cho con cái, người thân của họ... Họ ăn hối lộ để sắp xếp chỗ làm việc cho những kẻ đi hối lộ.

Sự bất bình đẳng trong việc tìm kiếm việc làm và cơ hội lựa chọn, việc làm (một cách bất hợp thức) đang làm nhức nhối những người có lương tâm trong xã hội. Cùng với hiện tượng này là sự phân công, phân nhiệm thiếu công bằng (một bên là những công việc dễ dàng, béo bở cho những người “cánh hẩu” với một bên là công việc khó khăn, thu nhập thấp cho những người không “cánh hẩu”) là một trong những nguyên nhân dẫn đến phân tầng xã hội không hợp thức về thu nhập và mức sống.

3. Những yếu kém và sự xuống cấp về một số mặt trong giáo dục

Một nền giáo dục chân chính, hiện đại, tiến bộ và bình đẳng là một trong những điều kiện tốt nhất và cơ bản nhất để tạo ra một trật tự phân tầng xã hội hợp thức - tức là nó sẽ góp phần tạo ra những cơ hội và điều kiện cần thiết cho sự phát triển công bằng của mọi thành viên trong xã hội.

Đáng tiếc là bên cạnh những tiến bộ trên nhiều mặt của ngành giáo dục nước ta trong một số năm qua, vẫn còn bộc lộ những yếu kém và sự xuống cấp về một số mặt. Những yếu kém và sự xuống cấp này đã góp phần tạo nên sự phân tầng xã hội bất hợp thức về mức sống, thu nhập của một số bộ phận dân cư trong xã hội.

Trước hết, đó là sự bất bình đẳng trong việc đầu tư ngân sách, nguồn lực cho giáo dục. Rõ ràng, sự đầu tư ngân sách vào việc xây dựng trường lớp, cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc giảng dạy và học tập cũng như phân bổ đội ngũ giáo viên cho các trường, các vùng có sự khác nhau, đặc biệt rõ là sự khác nhau giữa các trung tâm đô thị lớn với các vùng nông thôn, biên cương, hải đảo, vùng xa, vùng sâu. Khoảng cách của sự cách biệt này lên tới nhiều lần, thậm chí hàng chục, hàng trăm lần. Sự khác biệt này tất yếu sẽ dẫn đến sự phân hóa trong các khả năng để tìm kiếm việc làm, hoặc tiếp tục theo đuổi những khoá học tập ở những trình độ cao hơn cũng như chiếm lĩnh những vị trí khác nhau trong xã hội. Hệ quả tiếp theo của nó là khoảng cách về mặt mức sống, thu nhập giữa các nhóm dân cư của các vùng sẽ ngày một xa.

Khắc phục ngay khoảng cách này là không tưởng. Tuy nhiên, nếu chúng ta không có một giải pháp nào, cứ mặc nhiên để tình trạng này diễn ra một cách tự phát như

vậy sẽ là sai sót, là sự vô tâm, thiếu trách nhiệm. Nên chăng Đảng, Nhà nước Việt Nam cần có giải pháp mạnh, tích cực và toàn diện hơn nữa nhằm từng bước góp phần khắc phục sự cách biệt này. Ví dụ, mạnh dạn phân bổ ngân sách nhiều hơn cho các trường lớp, cơ sở hạ tầng ở nông thôn, hải đảo, rừng núi, vùng xa, vùng sâu. Có chế độ chính sách thích hợp như lương, phụ cấp khu vực, nhà ở, chế độ nghỉ phép sự luân chuyển công tác có thời hạn, đãi ngộ hấp dẫn có tính chất khuyến khích đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao lên vùng núi công tác, khắc phục từng bước sự khác biệt quá xa hiện nay giữa miền núi và miền xuôi, giữa đô thị và vùng xa, vùng sâu.

Điểm bức xúc thứ hai trong giáo dục liên quan đến phân tầng xã hội về thu nhập và mức sống là sự “chạy chọt” bằng cấp, học hàm, học vị, sự nhùng nhịu trong việc chấm điểm, xét tuyển cao đẳng, đại học, cao học, nghiên cứu sinh, những hành vi thương mại hóa như dạy thêm, học thêm một cách tràn lan không nhằm vào mục tiêu đích thực, chân chính là nâng cao chất lượng học tập của học sinh mà là “hốt bạc”, là sự bòn rút tiền bạc của nhân dân, sự làm giàu bất hợp thức... (Chúng ta cũng đã từng biết đến vụ việc một ban lãnh đạo của một trường đại học dân lập đã tùy tiện nâng điểm học sinh để đủ số lượng học sinh mở khoá học). Có biết bao nhiêu

điều bất chính, những móc nối ngầm bất hợp thức đã xảy ra ở đó. Đã có bao nhiêu người giàu lên vì việc làm phi pháp đó và hậu quả xã hội của quá trình này thật sự là đáng lo ngại (một loạt học sinh dốt đã tiêm nhiễm lối làm ăn ma quái sẽ ra trường và đem những khuyết tật đã được trải nghiệm đó vào xã hội).

Đó là chưa kể những kẻ lạm dụng chức quyền để “xí phần” trước những xuất học bổng “béo bở” cho con em, thân nhân mình hoặc “rao bán” cho những kẻ giàu, sĩ diện, hám danh. Có một thực trạng đáng buồn là nhiều học sinh không thật xuất sắc, thậm chí là dốt đã được cha mẹ mình chạy chọt cho những xuất học ở nước ngoài. Và mai này, khi về nước, liệu họ có xứng đáng đảm nhận những công việc từ những thực lực của mình hay không (ngoại trừ một số những nỗ lực, và cơ may đặc biệt ở một số em. Rõ ràng, chúng ta không thật yên tâm với những sản phẩm đào tạo kiểu như vậy).

Thực trạng này, rõ ràng cần sớm được khắc phục. Chúng ta “sốt ruột” trông đợi những sáng kiến mới trong công cuộc cải cách giáo dục ở nước ta. Phải chăng, Đảng, Nhà nước Việt Nam, các cơ quan chức năng cần phải tích cực và ráo riết hơn nữa trong việc đưa ra những phương án tổng thể, đồng bộ, ăn nhịp và thật sự tỉ mỉ nhằm từng bước khắc phục tình trạng này.

4. Sự bất bình đẳng trong chăm sóc sức khỏe, những bất cập trong quản lý đất đai và một số dịch vụ xã hội khác

Chúng ta biết rằng, xã hội ta trong thời gian gần đây đang có nhiều tiến bộ trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong vấn đề nhà ở, quản lý đất đai và một số dịch vụ xã hội khác. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích, ưu điểm, tiến bộ thì cũng còn không ít những tiếng kêu cứu của một số người dân. Tình trạng y đức suy giảm, xu hướng thương mại hóa dịch vụ y tế, coi công tác chăm sóc sức khỏe như là một dịch vụ chỉ vì lợi nhuận. Sự mất cân đối trong đầu tư y tế giữa thành thị và nông thôn, miền núi, vùng xa, vùng sâu. Nhiều người nghèo không có tiền vào nằm bệnh viện, hoặc không đủ tiền để chi trả thuốc men cho việc khám chữa bệnh. Tình trạng cái "chiêng" đất đai trên đầu người ngày một thu hẹp, sự khai hoang, khai hóa mở rộng đất đai không theo kịp số dân cư được sinh ra, hàng năm đất đai được đưa vào để xây dựng cơ bản (mở đường, làm nhà xưởng....) ngày một nhiều. Nhiều người dân ở các vùng cần giải phóng mặt bằng để mở rộng đô thị hóa đã không còn đất để canh tác. Họ nhận được giá đền bù thấp dưới mặt bằng thị trường hiện hành. Thêm vào đó, với số vốn ít ỏi, họ khó có thể kiếm được những việc làm ổn định. Nhiều người trong số họ trở thành những người thất nghiệp, thậm chí là vô gia cư.

Trong bối cảnh như vậy, chúng ta lại thiếu vắng một chính sách vĩ mô với những quyết sách chính xác, cụ thể, linh hoạt nhằm định hướng và chấn chỉnh có hiệu quả tình hình bức xúc này. Ví dụ, việc người nghèo sẽ được cấp một thẻ Bảo hiểm y tế với mệnh giá tối thiểu bao nhiêu là phù hợp với thực lực nguồn ngân sách quốc gia, đồng thời có thể đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe ở mức tối thiểu cho họ. Bằng phương thức nào và làm thế nào để người nghèo nhận được sự chăm sóc sức khỏe bằng thẻ bảo hiểm y tế trên thực tế. Ai được coi là đối tượng người nghèo, được xếp vào diện người nghèo và được nhận thẻ Bảo hiểm y tế của Nhà nước. Nếu sự chi trả cho việc chữa bệnh vượt quá mệnh giá của thẻ bảo hiểm thì phải chăng người nghèo phải tự lo liệu hay kêu gọi lòng từ thiện, trợ giúp của người hảo tâm trong cộng đồng. Rõ ràng, việc chăm sóc sức khỏe cho người nghèo trong xã hội chúng ta không thể tiến hành bằng nguyên tắc trao đổi ngang giá đơn thuần mà còn cần đến những giá trị nhân đạo, nhân văn, nhân bản cao cả có từ trong chiều sâu của truyền thống dân tộc. Cần phải có sự điều tiết để đảm bảo một mặt sàn tối thiểu trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người nghèo. Chúng ta có thể và cần thiết phải tham khảo những kinh nghiệm quý của một số quốc gia về việc giải quyết những vấn đề này.

Xã hội nước ta hiện nay có sự tồn tại của cả phân tầng hợp thức và phân tầng không hợp thức, trong đó

phân tầng xã hội hợp thức vẫn là cơ bản, chiếm ưu thế, phân tầng xã hội bất hợp thức chỉ là thứ yếu. Tuy nhiên, chúng ta cần phải thật sự trung thực, nghiêm túc nhìn thẳng vào sự thực (những tiêu cực, yếu kém mà chúng ta còn mắc phải trong quá trình đổi mới). Chỉ trên một cơ sở như vậy, chúng ta mới có thể có được những giải pháp sát thực nhằm giảm thiểu và khống chế có hiệu quả những biểu hiện của phân tầng xã hội bất hợp thức về thu nhập mức sống nói riêng, về phân tầng xã hội bất hợp thức nói chung.

Chương VIII

Phân tầng xã hội và sự phát triển nhận thức của Đảng, Nhà nước ta về xóa đói giảm nghèo

1. Sự phát triển nhận thức, tư duy của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xóa đói giảm nghèo.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề đói nghèo và coi *cơ sở phương pháp luận quan trọng, cơ bản nhất về vấn đề đói nghèo và xóa đói giảm nghèo là giải phóng mọi áp bức, bất công, thực hiện công bằng xã hội*. Chủ nghĩa xã hội là *quá trình cải biến cách mạng không ngừng nhằm xóa bỏ mọi nguồn gốc của áp bức, bóc lột... giúp mọi người dân kiến tạo một cuộc sống ấm no hạnh phúc*.

Tuy nhiên, trước đổi mới (năm 1986) Đảng và Nhà nước ta nhận thức về chủ nghĩa xã hội nói chung, về xóa đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội nói riêng có phần còn đơn giản và nóng vội.

Chúng ta chủ trương đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng xóa bỏ các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, thành phần kinh tế tư bản tư nhân; từ đó sớm hình thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần nhất với hai hình thức sở hữu cơ bản là sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể (hợp tác xã). Coi đó là con đường xóa bỏ tận gốc sự áp bức bóc lột và đói nghèo. Trên thực tế, việc tiến hành nhanh chóng và ồ ạt công cuộc cải tạo các thành phần kinh tế (phải xã hội chủ nghĩa) nói trên đã tỏ rõ sự nóng nảy, chủ quan, duy lý trí. Rõ ràng, chủ trương xây dựng cơ cấu xã hội "hai giai cấp, một tầng lớp" trong khoảng thời gian chóng vánh như vậy là trái với lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời là trái với quy luật khách quan. Thực tiễn xã hội đã chỉ ra rằng, sự nóng vội đó đã làm cho lực lượng sản xuất bị kìm hãm, đã không phát huy được sức sản xuất, không kích thích được người lao động... nghèo đói không những không được giải quyết nhanh chóng mà còn có phần ách tắc và trở nên nan giải hơn, đất nước đã rơi vào trạng thái khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, Đảng ta đã nghiêm khắc tự phê bình những sai lầm, nóng vội nói trên, đồng thời đề ra đường lối đổi mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản mang tính đột phá đầu tiên của

đường lối đổi mới là: chuyển nền kinh tế từ mô hình tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nội dung cơ bản này tiếp tục được khẳng định và ngày càng được cụ thể hơn qua các Đại hội VII, VIII, IX của Đảng cũng như một số các nghị quyết Trung ương trong các kỳ đại hội sau đó.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ VII, Đảng ta đã khẳng định: "Hơn bốn năm qua, để đáp ứng các nhu cầu đời sống nhân dân, chúng ta đã động viên và phát huy khả năng của toàn xã hội, khuyến khích người lao động tăng thu nhập và làm giàu chính đáng, chấp nhận sự chênh lệch trong thu nhập do năng suất và hiệu quả lao động. Đó là phương hướng đúng tạo động lực cho sự phát triển và nâng cao mức sống chung của toàn xã hội"⁽¹⁾.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta khẳng định tiếp: "Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Coi một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển"⁽²⁾.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, H. 1991, tr.31.

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VIII, tháng 1-1994, tr.47.

Như vậy, qua một chặng đường đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã cho rằng, xóa đói giảm nghèo không đơn giản chỉ là việc xóa bỏ chế độ tư hữu, tư nhân về tư liệu sản xuất, xác lập một cách nóng vội chế độ công hữu. Nó cũng không đơn giản chỉ là việc tước đoạt tư liệu sản xuất của các giai cấp tư sản, địa chủ, xóa bỏ sự cách biệt xã hội, theo một nghĩa nào đó là sự cào bằng xã hội... mà đó là một quá trình lâu dài...

“Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản”. Tuy nhiên “Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao”⁽¹⁾. “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu, theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn vốn khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”⁽²⁾.

Cũng trong Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta đã chỉ ra rằng “Bên cạnh những người làm giàu chính đáng, còn nhiều người làm giàu lên nhanh chóng do làm ăn phi pháp”⁽³⁾ và tại Văn kiện Đại

^{(1),(2)} Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001, tr.87, 88.

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, tr.47.

hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị... Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt là các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính”⁽¹⁾.

Như vậy, với sự phân tích trên, sự đổi mới trong tư duy của Đảng ta về xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, về xóa đói giảm nghèo nói riêng không đơn giản chỉ là việc xóa bỏ sở hữu tư nhân, thi hành chế độ phân phối bình quân, thủ tiêu sự giàu có của một số người mà là dứt khoát thừa nhận sự tồn tại lâu dài... bình đẳng của các thành phần kinh tế.

Thực hiện sự phân phối không chỉ theo lao động mà còn theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất - kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Cũng trên một tuyến phát triển nhận thức như vậy, Đảng ta đã cho rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không phải là triệt tiêu mọi người giàu trội vượt lên nói chung. Mà đối với những người giàu chân chính, hợp thức, hợp pháp, sự làm giàu do sáng kiến, tài năng, đức độ, năng động trong sản xuất... tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, mang lại sức cạnh tranh cao trong thương trường... tạo

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001, tr.136.

được nhiều việc làm cho người lao động đóng góp nhiều tài lực, vật lực cho xã hội, thì Đảng ta luôn *khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho họ tiếp tục làm giàu hơn nữa* như lời dạy của Bác Hồ. Làm cho người nghèo thì bớt nghèo, người trung bình thì khá hơn, người giàu thì giàu hơn lên. Họ chính là những đầu tầu (kéo người nghèo đi lên thoát nghèo để rồi cùng giàu). Nhận thức mới này có một ý nghĩa hết sức quan trọng.

Chính sự phát triển mới về nhận thức này đã tạo ra một nguồn xung lượng mạnh mẽ cho sự phát triển. Nó khơi dậy và khai thác được những nguồn lực tiềm tàng (về tài chính, tư liệu sản xuất, kỹ thuật - công nghệ, nhiệt huyết, kinh nghiệm, kỹ năng, nghị lực của con người...). Những nguồn lực mà trước đây đã bị cản trở, ố ố, lãng quên.

Song hành với tư tưởng chấp nhận, ủng hộ và khuyến khích người làm giàu hợp thức, Đảng ta cũng sáng suốt *cảnh báo những kẻ làm giàu phi pháp, làm giàu do tham nhũng*. Theo sự phân tích của Đảng ta, bọn người này chỉ làm giàu một cách ích kỉ cho bản thân, chúng đục khoét, bòn rút của nhân dân, của Nhà nước và đòi hỏi chúng ta cần kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn và trừng phạt chúng theo đúng mức độ tội danh mà chúng đã vi phạm. Bên cạnh đó, Đảng ta cũng *nhắc nhở những kẻ lười biếng, ỷ lại*, không chịu vượt khó, chủ động vươn lên để thoát nghèo và yêu cầu các tổ chức, đoàn thể xã hội, nhà

trường, cộng đồng cần giáo dục, giúp đỡ họ ý thức được trách nhiệm bản thân trên con đường xoá đói giảm nghèo.

Những tư tưởng này *gắn gũi và có cơ sở vững chắc trong sự phân tích lý luận về phân tầng xã hội hợp thức và không hợp thức của xã hội học - một bộ môn khoa học mới được đưa vào nghiên cứu và giảng dạy trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trên một thập kỷ qua⁽¹⁾*.

Những nhận thức mới trên đây về đói nghèo và con đường xoá đói giảm nghèo cũng đồng thời được gắn chặt với những bước tiến triển mới trong nhận thức của Đảng ta về công bằng xã hội, tăng trưởng kinh tế và sự phát triển bền vững.

Sau một thời kỳ đấu tranh cam go giữa cái cũ và cái mới, một thời kỳ giao thời giữa những quy luật khắc nghiệt của chiến tranh và hòa bình, một thời kỳ lao tâm khổ tứ, trần trở tìm kiếm, tại đại hội Đảng VI (1986), Đảng ta đã đi đến một nhận thức mới rằng: để đưa đất nước đi lên, thoát khỏi trạng thái nghèo nàn, khủng hoảng kinh tế - xã hội, đòi hỏi chúng ta *phải dứt khoát từng bước từ bỏ lối sống bao cấp, tư tưởng cào bằng và chủ nghĩa bình quân để dần chuyển sang thực hiện sự công bằng trong phân phối*. Chỉ trên cơ sở của sự phân phối công bằng theo kết

⁽¹⁾ Trung tâm Xã hội học: *Giáo trình xã hội học trong quản lý* (Hệ cao cấp lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 100-104.

quả trực tiếp của người lao động mới khắc phục được tình trạng trì trệ, trông chờ, ỷ lại kéo dài, đồng thời kích thích được tính tích cực của người lao động, khuyến khích họ hăng say sản xuất. Đến Đại hội VII, sự nhận thức của Đảng ta về công bằng xã hội trong phân phối còn tiến xa hơn nữa. Trong Đại hội này, ngoài việc tiếp tục khẳng định nguyên tắc lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu (đã được đưa ra trong Đại hội VI), *Đảng ta còn bổ sung thêm tư tưởng về sự “thực hiện nhiều hình thức phân phối”⁽¹⁾.*

Trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Đảng ta khẳng định “lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế”⁽²⁾ “có chính sách bảo trợ và điều tiết thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng”⁽³⁾.

Đồng thời, Đảng ta cũng đưa ra tư tưởng “thực hiện chính sách toàn dân đóng góp, đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước; chính sách bảo trợ trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn; chính sách cứu hộ những vùng gặp thiên tai,

^{(1), (3)} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, H. 1991, tr. 10, 14.

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb. Sự thật, H. 1991, tr. 9.

rủi ro và những gia đình quá nghèo khổ. Nguồn kinh phí dựa vào các quỹ xã hội, các hội từ thiện, tranh thủ sự viện trợ của các tổ chức nhân đạo quốc tế và một phần dựa vào ngân sách nhà nước”⁽¹⁾.

Đến đại hội Đảng IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, người được hưởng chính sách xã hội”⁽²⁾.

Vậy là, sau một chặng đường dài, đầy cam go với những thử thách khắc nghiệt của một “cuộc chiến thầm lặng” cuộc chiến đấu để vượt qua sự bế tắc, trì trệ, đói nghèo và cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, khi vừa có được đôi chút thành quả, điều kiện, Đảng ta đã nghĩ ngay đến việc đền ơn, đáp nghĩa... Những tư tưởng và nghĩa cử cao đẹp có cội nguồn từ những tình cảm sâu xa trong truyền thống dân tộc được thấm nhuần trong Đảng, đã được hiện thực hóa vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, làm yên lòng những người đang sống cũng như những người đã khuất. Đó là những minh chứng đầy sức

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, tr. 34-35.

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 106.

thuyết phục cho những tư tưởng nhân đạo, nhân văn cao cả của Đảng ta, đồng thời là sự khẳng định trên thực tế những bước tiến mới về mặt nhận thức của Đảng về công bằng xã hội. Rõ ràng, cả về mặt đạo lý, mặt tình cảm cũng như về lý trí khoa học... chúng ta không mấy khó khăn để nhận ra rằng, những thành quả mà hôm nay chúng ta đang được thừa hưởng có một phần đóng góp hết sức quan trọng từ những hy sinh, mất mát của cha anh chúng ta ngày hôm qua... và do vậy, họ xứng đáng được nhận một phần những thành quả của ngày hôm nay, chứ không chỉ là sự tôn vinh, sự biết ơn đơn thuần hay trả nghĩa đơn thuần của xã hội.

Đây chính là vấn đề công bằng xã hội trong cống hiến và hưởng thụ. Nó bổ sung cho quan niệm trước đây coi công bằng xã hội chỉ là sự phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Người ta cống hiến như thế nào, đóng góp cho xã hội như thế nào thì họ cũng cần phải nhận được một cách thích đáng từ phía xã hội những thành quả tương xứng⁽¹⁾ với những đóng góp, cống hiến của họ như thế ấy. Sự đóng góp, cống hiến ở đây không chỉ được đo lường một cách đơn thuần trong kinh tế, nó

⁽¹⁾ Tương xứng ở đây không có nghĩa đơn thuần là sự đóng góp như thế nào thì phải được nhận lại một cách ngang bằng như thế... Đây là một khái niệm vừa định tính vừa định lượng, ngụ ý: có hy sinh, cống hiến, đóng góp thì sẽ được nhận lại một phần những sự đóng góp đó. Xã hội không có quyền lãng quên, bỏ qua sự hy sinh, đóng góp đó.

cũng không chỉ được cân nhắc xem xét một cách cô lập, “đứt đoạn”, tách rời giữa hiện tại với quá khứ mà là sự liên tục, sự liền mạch, liền tuyến với quá khứ. Tương tự như vốn đóng góp trong sản xuất không chỉ là lao động “sống” mà còn là lao động “quá khứ” (những đóng góp về tư liệu sản xuất, nhà xưởng, máy móc) ruộng đất, công cụ lao động mà bản thân người lao động hoặc cha, ông họ đã tạo ra trước đó.

Trên thực tế, sau nhiều thập kỷ xây dựng xã hội mới, nhiều gia đình thương binh liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng có cuộc sống còn khá thấp, một số bộ phận rơi vào tình trạng nghèo khổ. Họ thiếu vốn liếng, lao động, yếu về sức lực (cuộc chiến tranh trước đây đã tàn phá và cướp đi một phần sức khỏe của họ), nhiều người không được đào tạo nghề nghiệp hoặc có được đào tạo thì cũng chỉ ở mức độ thấp.

Nếu Đảng không sớm nhận ra điều này, để tình trạng đó kéo dài quá lâu sẽ vi phạm một yếu tố hết sức quan trọng của nguyên tắc công bằng xã hội, vi phạm cả về mặt đạo lý cũng như phương diện pháp lý...

Sự phân tích trên đây có quan hệ gắn bó mật thiết hữu cơ với sự phân tích mối quan hệ giữa công bằng xã hội và bình đẳng xã hội. Theo Từ điển bách khoa Triết học (Liên Xô cũ), “ Công bằng là khái niệm đạo đức - pháp quyền, đồng thời cũng là khái niệm chính trị - xã hội. Khái niệm công bằng bao hàm trong nó yêu cầu về

sự phù hợp giữa vai trò thực tiễn của cá nhân (nhóm xã hội) với địa vị của họ trong đời sống xã hội, giữa quyền và nghĩa vụ của họ, giữa làm và hưởng, giữa lao động và sự trả công, giữa tội phạm và sự trừng phạt, giữa công lao và sự thừa nhận của xã hội. Sự không phù hợp trong những quan hệ đó được đánh giá là sự bất công⁽¹⁾.

Khi nói đến bình đẳng xã hội là nói đến sự ngang bằng nhau giữa người với người về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Theo giác độ tiếp cận của xã hội học, bình đẳng xã hội là sự ngang bằng nhau giữa các cá nhân (các thành viên trong xã hội) về mặt năng lực (thể chất, trí tuệ), điều kiện, cơ hội, vị thế nghề nghiệp, thứ bậc trong xã hội... những lợi ích vật chất, tinh thần mà họ nhận được từ vị thế của họ⁽²⁾. Theo nghĩa đó, bình đẳng xã hội là cái mà nhân loại tiến bộ mưu cầu mong muốn và hướng tới song không phải là cái có ngay được mà là mục tiêu phấn đấu lâu dài. Để "tiệm cận" đến nó, loài người phải trải qua những nỗ lực bền bỉ phi thường, kế tục lớp lớp các thế hệ trong cuộc đấu tranh chinh phục tự nhiên và tự giải phóng mình.

Rõ ràng, không thể đồng nhất giữa bình đẳng xã hội và công bằng xã hội. Bình đẳng xã hội là mục tiêu lâu dài, là cái chỉ có thể đạt được trong từng bộ phận, từng

⁽¹⁾ Từ điển bách khoa Triết học, M. 1983 (tiếng Nga), tr.65.

⁽²⁾ Xem Trung tâm Xã hội học: Giáo trình Xã hội học trong quản lý (Hệ cao cấp lý luận chính trị) Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 96-97.

lớp, từng tầng trong xã hội, ở những thời kỳ lịch sử khác nhau hay mỗi quốc gia nhất định. Còn công bằng xã hội là cái mà chúng ta có thể và cần thiết phấn đấu và thiết lập nó một cách thích hợp, phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể trong mỗi bước đi của lịch sử. Tại Đại hội Đảng VI, Đảng ta khẳng định trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn song cần phải "Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Loại bỏ các nguồn thu nhập do làm ăn phi pháp mà có"⁽¹⁾. " Cùng với việc tiến tới xoá bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hàng ngày của xã hội ta"⁽²⁾. Phương hướng lớn của chính sách xã hội là phát huy nhân tố con người trên cơ sở đảm bảo công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân...

Tại Đại hội VII, Đảng ta đã nhận định: "chúng ta thực hiện chính sách công bằng xã hội chưa tốt. Bên cạnh những người làm giàu chính đáng, còn nhiều người giàu lên nhanh chóng do làm ăn phi pháp. Trong khi đó, nhiều gia đình có công với nước, đã hy sinh mất mát lớn trong kháng chiến, nay vẫn còn quá khó khăn, số người nghèo

^{(1), (2)} Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, H. 1987, tr. 45, 86-87.

đó còn chiếm phần đáng kể"⁽¹⁾. Cũng trong Đại hội này, Đảng ta đã bổ sung khái niệm công bằng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: "Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"⁽²⁾.

Tại Đại hội Đảng VIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xóa đói giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả.

Đặc biệt hơn nữa, ở Đại hội này, đã đánh dấu một bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy chính trị của Đảng. Đảng ta đã dứt khoát khẳng định: "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải được thể hiện ở các khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội để phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình"⁽³⁾.

Rõ ràng, trong nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, có nguyên nhân từ bất công bằng xã hội. Chính sự

^{(1),(2)} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đại hội VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 18, 79.

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 113.

yếu kém trong quản lý và điều hành chính sách đã dẫn đến một bộ phận khá đông đảo những người lao động không còn tư liệu sản xuất trong tay, 5% những hộ gia đình miền Tây Nam Bộ đã trở thành tá điền, nhiều hộ gia đình ven các khu vực đang phát triển đô thị hóa mạnh mẽ cũng đã mất đất, không còn đất. Họ trở thành "trắng tay", không có tư liệu sản xuất, trở thành những người nghèo. Một nhà khoa học phương Tây đã nói: "Nghèo khổ chính là mối liên hệ giữa tình trạng bất bình đẳng hôm nay và những bất công về cơ hội của ngày mai"⁽¹⁾.

Không có ruộng đất sẽ không có tư liệu sản xuất, không có điều kiện, phương tiện để thoát nghèo, cũng đồng nhất với việc mất cơ hội để vươn lên làm giàu.

Tuy nhiên, có sự công bằng xã hội về khâu phân phối tư liệu sản xuất, phân phối kết quả sản xuất vẫn chưa bao hàm đầy đủ những yếu tố của công bằng xã hội và theo đó vẫn chưa thể giúp người nghèo thoát nghèo. Theo nhận thức mới của Đảng ta, công bằng xã hội còn cần phải bao hàm cả việc tạo điều kiện của Nhà nước để mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình. Tổ chức Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) và nhiều học giả trên thế giới cũng cho rằng, phát triển là quá trình mở rộng các cơ hội lựa chọn

⁽¹⁾ Trích theo cuốn *Chính sách và chiến lược giảm bất bình đẳng và nghèo khổ*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2003, tr. 57.

cho con người, để từ đó mọi người được thừa hưởng đầy đủ hơn các thành quả của phát triển và tăng trưởng. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng lại thấy rằng, nếu chỉ có cơ hội, có điều kiện thực hiện cơ hội mà thiếu năng lực thực hiện cơ hội (năng lực tiếp cận, năng lực lựa chọn, năng lực hiện thực hóa cơ hội trên thực tế (bao gồm sức lực, trí tuệ, kỹ năng lao động, năng lực tổ chức thực hiện) thì dù cho có sẵn cơ hội, có đủ điều kiện thuận lợi, người ta cũng khó thể biến khả năng thành hiện thực, khó có thể chuyển hóa từ nghèo lên giàu...

Điều này lý giải vì sao nhiều người dân có sẵn tư liệu sản xuất (đất đai, công cụ lao động, sự hỗ trợ chính sách về thuế, tín dụng, vốn, kỹ thuật...) song vẫn không thoát nghèo, khó vươn lên giàu. Thực tế phong trào xóa đói giảm nghèo nhiều năm qua ở nước ta cho thấy những gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, những người sức khỏe yếu, trí tuệ kém phát triển, bị tàn tật... mặc dù được Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng hỗ trợ rất nhiều về điều kiện, cơ hội song vẫn nghèo. Rõ ràng, ở đây không có gì là mặc định hay tiên định cả. Yếu tố quan trọng nhất không thể giúp những người nghèo thuộc đối tượng trên thoát nghèo là bởi vì họ thiếu năng lực thực hiện cơ hội. Và chính từ những phân tích như vậy, Đảng ta đã hết sức chú ý nâng cao sức khỏe của người nghèo, tăng cường sức lực dẻo dai cho họ... Hàng loạt các

chiến lược về vấn đề này đã ra đời như Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chiến lược về chăm sóc sức khỏe sinh sản; Chiến lược dân số Việt Nam; Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em; Chương trình định canh, định cư; Chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo; và gần đây là Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Song hành với những chiến lược, chương trình trên, Đảng ta đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao kỹ năng, trình độ nghề nghiệp, tính năng động và năng lực lựa chọn, nắm bắt cơ hội và vận dụng cơ hội cho người nghèo theo phương châm là cứu trợ họ để họ tự cứu trợ mình bằng năng lực của chính mình... Nhiều chính sách với hàng loạt các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người nghèo, vùng nghèo với hàng nghìn sáng kiến về các mô hình giúp người nghèo đã nở rộ như "Câu lạc bộ giúp người nghèo", "Mô hình tín dụng, tiết kiệm của phụ nữ ở cơ sở"... Muốn cho xã hội giảm nghèo hay cho những cá nhân, những hộ gia đình bớt nghèo chúng ta phải thực hiện sự tăng trưởng kinh tế cao. Trong điều kiện cơ chế phân phối không đổi. Với "chiếc bánh" tăng trưởng to hơn sẽ tạo điều kiện và cơ hội thực tế tốt hơn cho mọi người trong xã hội nhận về mình miếng bánh lớn hơn. Tuy nhiên, nếu chỉ thả nổi cho sự tăng trưởng kinh tế, chỉ để cho kinh tế phát triển một cách tự phát, không đếm xỉa hoặc tách rời với các chính

sách về công bằng xã hội, về phân phối và phân phối lại, chính sách giải quyết việc làm, cải cách chế độ tiền lương, chương trình xoá đói giảm nghèo, chính sách ưu đãi xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội, chính sách đền ơn đáp nghĩa, các chính sách hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội thì trong trường hợp đó, tăng trưởng kinh tế có thể dẫn đến thương tổn xã hội, phương hại đến lợi ích của một bộ phận xã hội, làm tăng thêm biên độ giàu nghèo, không giúp cho việc xoá đói giảm nghèo thậm chí làm cho đói nghèo trở nên trầm trọng hơn... và hệ quả của nó có thể dẫn đến rối loạn xã hội, xung đột xã hội...

Với sự phân tích như vậy, chúng ta càng khẳng định giá trị và ý nghĩa to lớn của bước phát triển mới trong nhận thức và tư tưởng chính trị của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội nói chung, về xoá đói giảm nghèo nói riêng.

Nhưng sẽ là không đầy đủ nếu chúng ta không nói tới những nỗ lực to lớn và những bước phát triển liên tục trong nhận thức của Đảng ta về việc chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế và việc tranh thủ các nguồn lực quốc tế trong cuộc đấu tranh xoá đói giảm nghèo.

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển họp tại Copenhagen - Đan Mạch tháng 3-1995, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tuyên bố: "Chúng tôi cam kết thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo trên thế giới, thông qua các hoạt động quốc gia và sự hợp tác quốc tế, coi đây

là một đòi hỏi bắt buộc về mặt đạo đức, xã hội, chính trị, kinh tế của nhân loại".

Tháng 9 năm 2000, tại Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ của Liên hợp quốc gồm 189 nguyên thủ quốc gia họp tại New York. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã thay mặt Nhà nước Việt Nam ký vào Tuyên bố Thiên niên kỷ - cam kết cùng với các nước khác trên thế giới thực hiện 8 mục tiêu, 18 chỉ tiêu, 48 chỉ số phát triển thiên niên kỷ trong đó có mục tiêu "xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói", "giảm một nửa tỷ lệ người dân có mức thu nhập dưới 1USD/ngày trong giai đoạn từ 1990 đến 2015", "giảm một nửa tỷ lệ người dân bị thiếu đói trong giai đoạn từ 1990 đến 2015". Trên cơ sở những cam kết thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ chung của các quốc gia, tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hiệp quốc ở New York, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra 11 mục tiêu phát triển cho Việt Nam trong đó có một mục tiêu "giảm tỷ lệ hộ nghèo đói gồm 2 chỉ tiêu: 1) Giảm 40% tỷ lệ dân sống dưới chuẩn nghèo quốc tế trong giai đoạn 2001-2010; 2) Giảm 75% tỷ lệ dân sống dưới chuẩn nghèo về lương thực của quốc tế vào năm 2010". "Giảm một nửa tỷ lệ dân không được tiếp cận bền vững với nước sạch vào năm 2015"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Liên hợp quốc tại Việt Nam: *Đưa mục tiêu Thiên niên kỷ đến với người dân*, tháng 11-2002, tr. 54-55.

Trong *Lời tựa* cuốn sách *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo*, tháng 5-2002, Thủ tướng Phan Văn Khải đã khẳng định: “Chính phủ Việt Nam coi vấn đề xoá đói giảm nghèo là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước... Xoá đói giảm nghèo là yếu tố cơ bản để đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng bền vững, ngược lại chỉ có tăng trưởng cao, bền vững mới có sức mạnh vật chất để hỗ trợ và tạo cơ hội cho người nghèo vươn lên thoát khỏi đói nghèo. Do đó, xoá đói giảm nghèo được coi là bộ phận cấu thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) và kế hoạch 5 năm (2001-2005) và hàng năm của cả nước, các ngành và địa phương”⁽¹⁾.

Cũng trong *Lời tựa* này, Thủ tướng Phan Văn Khải cũng bày tỏ nguyện vọng của Chính phủ nước ta: “Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự trợ giúp thiết thực, có hiệu quả của cộng đồng các nhà tài trợ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo”⁽²⁾. Với tinh thần chủ động mở cửa hội nhập, mở rộng kênh đối thoại, tích cực học hỏi và tranh thủ mọi nguồn lực... Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã ngày càng nhận được nhiều hơn sự ủng hộ, chia sẻ quý báu của nhiều quốc gia, nhiều nhà tài trợ quốc tế, các

^{(1), (2)} *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, H. 2002.

tổ chức phi chính phủ và các cơ quan chính phủ. Chúng ta đã nhận được hàng tỷ USD dưới hình thức các khoản vay Quỹ Hỗ trợ phát triển (ODA) từ Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA)... cho Chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo ra một nguồn lực hết sức quan trọng góp phần đưa nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công cuộc xoá đói giảm nghèo cải thiện đáng kể đời sống nhân dân.

2. Một số kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của chiến lược xoá đói giảm nghèo từ góc độ tiếp cận của phân tầng xã hội.

a. Một số kiến nghị

Trên cơ sở tập hợp, phân tích và tổng hợp các quan điểm trong nước, thế giới về xoá đói giảm nghèo, tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị sau đây:

Một là, xoá đói giảm nghèo cần được đặt trong mối quan hệ mật thiết với tăng trưởng kinh tế và sự phát triển bền vững.

Xoá đói giảm nghèo không đơn giản chỉ là sự trợ giúp, sự phân phối lại thu nhập theo kiểu cho người nghèo, hộ nghèo con cá, con gạo, mà trước hết phải tạo ra động lực, con đường để người nghèo, hộ nghèo tự vươn lên thoát nghèo, tạo ra sự tăng trưởng ở chính bản